

Số: 72 /QĐ-THPT PN

Phú Nhuận, ngày 16 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế kiểm tra - đánh giá học sinh
trường THPT Phú Nhuận Năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Thông tư quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3357/QĐ-GDĐT-TC ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về bổ nhiệm công chức quản lý;

Căn cứ công văn số 3157/SGDĐT-GDTrH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2022-2023;

Xét đề nghị của Phó Hiệu trưởng chuyên môn và các tổ chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra - đánh giá học sinh trường THPT Phú Nhuận năm học 2022-2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định về việc ban hành Quy chế kiểm tra - đánh giá học sinh năm học 2021 -2022.

Điều 3. Cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn, giáo viên, học sinh của trường THPT Phú Nhuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Sở GDĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Công Tuấn

QUY CHẾ

kiểm tra- đánh giá học sinh năm học 2022-2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 72../QĐ-THPT PN ngày 16 tháng 9 năm 2022)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trung học phổ thông bao gồm: đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh, sử dụng kết quả đánh giá; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân.

Đối tượng thực hiện quy chế này là toàn bộ cán bộ, giáo viên, học sinh trường THPT Phú Nhuận.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

Quy chế này nhằm áp dụng thống nhất các quy định về đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

1. Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

2. Đánh giá cần đạt các yêu cầu sau:

- Căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.
- Bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; không so sánh học sinh với nhau.

Điều 3. Căn cứ để xây dựng quy chế

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2020);

Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, sau đây gọi tắt là Thông tư 58;

Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, sau đây gọi tắt là Thông tư 26;

Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo về Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo về Quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, sau đây gọi tắt là Thông tư 22.

Chương II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Điều 4: Hình thức đánh giá đối với các môn học

1. Đánh giá bằng nhận xét: Đối với các môn học Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Nội dung giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp. Kết quả học tập theo môn được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

2. Đánh giá bằng nhận xét kết hợp với điểm số: Đối với các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông (trừ các môn quy định tại khoản a Điều 4). Kết quả học tập theo môn được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

Điều 5: KTĐG thường xuyên, KTĐG định kì

1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành;

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi-đáp, viết; thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn.

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét (không bao gồm cụm chuyên đề học

tập): mỗi học kì chọn 02 (hai) lần.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐĐG_{tx}) trong mỗi học kì như sau:

- Môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐĐG_{tx}.
- Môn học có trên 35 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 ĐĐG_{tx}.
- Môn học có trên 70 tiết/năm học: 04 ĐĐG_{tx}.

Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó.

2. Kiểm tra đánh giá định kì

- Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định.

- Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét hoặc đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) lần KTĐG giữa kì và 01 (một) lần KTĐG cuối kì.

- Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

- Thời gian làm bài trên giấy hoặc trên máy tính đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút; đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút.

- Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

- Đối với kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập: phải có hướng dẫn, tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học và được công khai cho học sinh trước khi thực hiện.

- Những học sinh không đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu, với hình thức, mức độ kiến thức, kĩ năng và thời gian tương đương. Việc kiểm tra, đánh giá bù được hoàn thành trong từng học kì hoặc cuối năm học.

- Trường hợp học sinh không có đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại các khoản trên mà không có lí do chính đáng hoặc có lí do chính đáng nhưng không tham gia kiểm tra, đánh giá bù sẽ nhận điểm 0 (không) của bài kiểm tra, đánh giá còn

thiếu.

Điều 6. Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

➤ Dành cho HS khối 10 năm học 2022-2023

1. Căn cứ và tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học quy định trong Chương trình tổng thể và yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù quy định trong Chương trình môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Giáo viên môn học căn cứ quy định tại điểm a khoản này nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập môn học.

c) Giáo viên chủ nhiệm căn cứ quy định tại điểm a khoản này theo dõi quá trình rèn luyện và học tập của học sinh; tham khảo nhận xét, đánh giá của giáo viên môn học, thông tin phản hồi của cha mẹ học sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình giáo dục học sinh; hướng dẫn học sinh tự nhận xét; trên cơ sở đó nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh theo các mức quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học

Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì

- Mức **Tốt**: Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có nhiều biểu hiện nổi bật.

- Mức **Khá**: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.

- Mức **Đạt**: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Mức **Chưa đạt**: Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Kết quả rèn luyện của học sinh cả năm học

- Mức **Tốt**: học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá từ mức Khá trở lên.

- Mức **Khá**: học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá từ mức Đạt trở lên; học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Tốt; học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá mức Đạt hoặc Chưa đạt.

- Mức **Đạt**: học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Khá,

Đạt hoặc Chưa đạt; học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá mức Chưa đạt.

- Mức **Chưa đạt**: Các trường hợp còn lại.

➤ **Dành cho Khối 11,12 năm học 2022-2023**

1. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm

Đánh giá hạnh kiểm của học sinh căn cứ vào biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức; ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, cán bộ, công nhân viên, với gia đình, bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và của xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

Kết quả nhận xét các biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh đối với nội dung dạy học môn Giáo dục công dân quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Xếp loại hạnh kiểm: Hạnh kiểm được xếp thành 4 loại Tốt (T), khá (K), trung bình (Tb), yếu (Y) sau mỗi học kì và cả năm học. Việc xếp loại hạnh kiểm cả năm học chủ yếu căn cứ vào xếp loại hạnh kiểm học kì II và sự tiến bộ của học sinh.

2. Tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm

- Loại **Tốt**:

Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; tích cực tham gia đấu tranh với các hành động tiêu cực, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội;

Luôn kính trọng thầy giáo, cô giáo, người lớn tuổi; thương yêu và giúp đỡ các em nhỏ tuổi; có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết, được các bạn tin yêu;

Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn; chăm lo giúp đỡ gia đình;

Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, có ý thức vươn lên, trung thực trong cuộc sống, trong học tập;

Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, các hoạt động do nhà trường tổ chức; tích cực tham gia các hoạt động của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

Có thái độ và hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn Giáo dục công dân.

- Loại **Khá**: Thực hiện được những quy định tại Khoản a Điều này nhưng chưa đạt đến mức độ của loại tốt; còn có thiếu sót nhưng kịp thời sửa chữa sau khi thầy giáo, cô giáo và các bạn góp ý.

- Loại **Trung bình**: Có một số khuyết điểm trong việc thực hiện các quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng mức độ chưa nghiêm trọng; sau khi được nhắc nhở, giáo dục đã tiếp thu, sửa chữa nhưng tiến bộ còn chậm.

- Loại **Yếu**: Chưa đạt tiêu chuẩn xếp loại trung bình hoặc có một trong các khuyết điểm sau đây:

Có sai phạm với tính chất nghiêm trọng hoặc lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện quy định, được giáo dục nhưng chưa sửa chữa;

Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn hoặc của người khác;

Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi;

Đánh nhau, gây rối trật tự, trị an trong nhà trường hoặc ngoài xã hội; vi phạm an toàn giao thông; gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác.

Điều 7. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

➤ Dành cho HS khối 10 năm học 2022-2023

1. Kết quả học tập của học sinh theo môn học

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét

- Trong một học kì, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức **Đạt**: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Quy chế này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ Mức **Chưa đạt**: Các trường hợp còn lại.

- Cả năm học, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức **Đạt**: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.

+ Mức **Chưa đạt**: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

- Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

- Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI} : Điểm trung bình môn học kì I.

$\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$: Điểm trung bình môn học kì II.

2. Kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, $ĐTB_{mhk}$ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong từng học kì, $ĐTB_{mcn}$ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Mức **Tốt**:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ từ 6,5 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ đạt từ 8,0 điểm trở lên.

b) Mức **Khá**:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ từ 5,0 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ đạt từ 6,5 điểm trở lên.

c) Mức **Đạt**:

- Có nhiều nhất 01 (một) môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa đạt.
- Có ít nhất 06 (sáu) môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ từ 5,0 điểm trở lên; không có môn học nào có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ dưới 3,5 điểm.

d) Mức **Chưa đạt**: Các trường hợp còn lại.

3. Điều chỉnh mức đánh giá kết quả học tập

Nếu mức đánh giá kết quả học tập của học kì, cả năm học bị thấp xuống từ 02 (hai) mức trở lên so với mức đánh giá quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 (một) môn học thì mức đánh giá kết quả học tập của học kì đó, cả năm học đó được điều chỉnh lên mức liền kề.

➤ **Dành cho Khối 11,12 năm học 2022-2023**

1. Kết quả học tập của học sinh theo môn học

a) *Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét (với môn Thể dục)*. Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả các bài kiểm tra theo hai mức:

- Đạt yêu cầu (Đ): Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:
 - + Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;

+ Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

- Chưa đạt yêu cầu (CD): Các trường hợp còn lại.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (các môn còn lại)

- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đánh giá bằng điểm số kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả đánh giá theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10.

• Điểm trung bình môn học kì (viết tắt là ĐTB_{mhk}) là trung bình cộng của điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì và điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì với các hệ số quy định như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

• Điểm trung bình môn cả năm (ĐTB_{mcn}) là trung bình cộng của ĐTB_{mhkI} với $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$, trong đó $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$ tính hệ số 2:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhk} và ĐTB_{mcn} là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

- Đối với các môn chỉ dạy trong một học kì thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kì đó làm kết quả đánh giá, xếp loại cả năm học.

2. Kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học

Kết quả học tập của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 05 (năm) mức: Giỏi, Khá, Trung bình, Yếu, Kém.

a) Loại **Giỏi**, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} từ 8,0 trở lên, trong đó ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} của 1 trong 3 môn Toán, Văn, Ngoại ngữ từ 8,0 trở lên;

- Không có môn học nào ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} dưới 6,5;

- Môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

b) Loại **Khá**, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} từ 6,5 trở lên, trong đó ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} 1 trong 3 môn Toán, Văn, Ngoại ngữ từ 6,5 trở lên;
- Không có môn học nào ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} dưới 5,0;
- Môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

c) Loại **Trung bình**, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} 1 trong 3 môn Toán, Văn, Ngoại ngữ từ 5,0 trở lên;
- Không có môn học nào ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} dưới 3,5;
- Môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

d) Loại **Yếu**: ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} các môn từ 3,5 trở lên, không có môn học nào ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} dưới 2,0.

đ) Loại **Kém**: Các trường hợp còn lại.

* Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức của từng loại quy định nhưng do kết quả của một môn học nào đó thấp hơn mức quy định cho loại đó nên học lực bị xếp thấp xuống thì được điều chỉnh như sau:

+ Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại G nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Tb thì được điều chỉnh xếp loại K.

+ Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại G nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.

+ Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại K nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.

+ Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại K nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Kém thì được điều chỉnh xếp loại Y.

Điều 8. Đánh giá học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN)

1. Học sinh gặp khó khăn trong học tập do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị được miễn học phần thực hành môn GDTC, GDQP&AN.

2. Hồ sơ xin miễn học phần thực hành môn GDTC, GDQP&AN gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện từ cấp quận, huyện trở lên cấp.

3. Việc cho phép miễn học phần thực hành môn GDTC, GDQP&AN đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học. Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học phần thực hành môn GDTC, GDQP&AN theo từng học kì hoặc từng năm học.

4. Đối với học sinh được miễn học phần thực hành môn GDTC, GDQP&AN theo



quy định tại Điều này được kiểm tra, đánh giá thay thế bằng nội dung lý thuyết đảm bảo đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật hòa nhập

1. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư 58, Thông tư 26; Điều 11 Thông tư 22 và Văn bản số 1481/GDDT-TrH ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác giáo dục hòa nhập

- Thực hiện đánh giá kết quả giáo dục học sinh khuyết tật trên nguyên tắc: động viên, khuyến khích và chú trọng đến quá trình rèn luyện kỹ năng sống, khả năng hoà nhập và sự tiến bộ của học sinh.

- Đánh giá kết quả giáo dục hoà nhập căn cứ vào mục tiêu, nội dung giáo dục đã điều chỉnh theo kế hoạch cá nhân. Khi đánh giá phải đặt trong điều kiện hoàn cảnh của từng học sinh, sát với từng dạng khuyết tật cụ thể. Hình thức, phương pháp phải phù hợp và tạo điều kiện cho học sinh.

- Học sinh khuyết tật được miễn giảm một số môn học không thể đáp ứng do tình trạng khuyết tật gây nên.

- Đánh giá, xếp loại (như học sinh bình thường) đối với học sinh có khả năng đáp ứng được chương trình, nhưng giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Đánh giá bằng nhận xét (đạt - chưa đạt, hoàn thành - chưa hoàn thành, tiến bộ rõ rệt - có tiến bộ - ít tiến bộ...) đối với học sinh khuyết tật không đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục và không xếp loại đối tượng này.

- Học sinh khuyết tật được xét lên lớp dựa trên kết quả các môn được học ở mức độ đã được điều chỉnh.

2. Cách đánh giá, xếp loại

- **Đối với học sinh khuyết tật nhẹ:** mức độ khuyết tật không ảnh hưởng nhiều đến việc học tập.

+ Thực hiện đánh giá như học sinh bình thường nhưng có sự linh hoạt giảm yêu cầu về mức độ đạt được, trên cơ sở đảm bảo tương đối với chuẩn kiến thức, kỹ năng theo quy định.

+ Giảm số lượng bài kiểm tra.

+ Không cần nội dung kiến thức nâng cao khi chưa đảm bảo yêu cầu trong đánh giá, học sinh có thể được đánh giá lại vào thời điểm thích hợp. Học sinh khuyết tật có thể được đặc cách thi kiểm tra học kì theo đề thi riêng do giáo viên bộ môn ra đề.

+ Căn cứ vào hồ sơ học sinh, học bạ để xét lên lớp hay ở lại lớp vào cuối năm học hoặc xét hoàn thành chương trình THPT (theo VB hướng dẫn của cấp trên).

- Đối với học sinh khuyết tật nặng:

+ Mức độ khuyết tật nặng của học sinh ảnh hưởng nhiều đến việc học tập, học sinh không thể tham gia đánh giá các môn học bằng điểm số như học sinh bình thường. Đối với những học sinh này các đơn vị chú trọng giáo dục kỹ năng cho học sinh: kỹ năng sống, kỹ năng nhận thức, kỹ năng xã hội... và đánh giá mức độ tiến bộ của học sinh.

+ Việc kiểm tra đánh giá được thực hiện linh hoạt dưới nhiều hình thức phù hợp với dạng khuyết tật của học sinh. Các kì kiểm tra, nội dung kiểm tra, bài kiểm tra hoặc kết quả kiểm tra được ghi nhận và lưu trữ vào trong hồ sơ của học sinh. Hình thức kiểm tra: làm bài tập, trao đổi, phỏng vấn, quan sát, theo dõi đánh giá...

+ Cuối năm học Hiệu trưởng nhà trường chủ trì cùng các giáo viên và tổ chức đoàn thể liên quan họp xét và quyết định học sinh được lên lớp hay ở lại lớp. Hoàn thiện các tiêu chí đánh giá học sinh (đạt - chưa đạt, hoàn thành - chưa hoàn thành, tiến bộ rõ rệt - có tiến bộ - ít tiến bộ...) và không xếp loại đối tượng này.

Chương III

SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 10. Được lên lớp, đánh giá lại trong kì nghỉ hè, không được lên lớp

1. Học sinh có đủ các điều kiện sau thì được lên lớp hoặc được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông:

a) Kết quả rèn luyện cả năm học (bao gồm kết quả đánh giá lại sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè theo quy định tại Điều 11 Quy chế này) được đánh giá mức Đạt trở lên đối với Khối 10 và hạnh kiểm từ Trung bình trở lên đối với Khối 11,12.

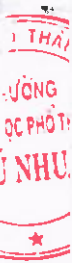
b) Kết quả học tập cả năm học (bao gồm kết quả đánh giá lại các môn học theo quy định tại Điều 11 Quy chế này) được đánh giá mức Đạt trở lên đối với Khối 10 và và học lực từ Trung bình trở lên đối với Khối 11,12.

c) Nghỉ học không quá 45 buổi trong một năm học (tính theo kế hoạch giáo dục 01 buổi/ngày được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm nghỉ học có phép và không phép, nghỉ học liên tục hoặc không liên tục).

2. Trường hợp học sinh phải rèn luyện trong kì nghỉ hè thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này; học sinh phải kiểm tra, đánh giá lại môn học trong kì nghỉ hè thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

3. Học sinh không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này thì không được lên lớp hoặc không được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông.

4. Đối với học sinh khuyết tật: Hiệu trưởng căn cứ kết quả đánh giá học sinh



khuyết tật theo quy định tại Điều 10 Quy chế này để xét lên lớp hoặc công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông đối với học sinh khuyết tật.

Điều 11. Rèn luyện trong kì nghỉ hè

1. Học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì phải rèn luyện trong kì nghỉ hè.

2. Hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè do Hiệu trưởng quy định.

3. Căn cứ vào hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè, giáo viên chủ nhiệm (GVCN) giao nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè cho học sinh và thông báo đến cha mẹ học sinh. Cuối kì nghỉ hè, nếu nhiệm vụ rèn luyện được GVCN đánh giá đã hoàn thành (có báo cáo về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ rèn luyện có chữ ký xác nhận của cha mẹ học sinh) thì GVCN đề nghị Hiệu trưởng cho đánh giá lại kết quả rèn luyện cả năm học của học sinh. Kết quả đánh giá lại được sử dụng thay thế cho kết quả rèn luyện cả năm học để xét lên lớp theo quy định.

Điều 12. Kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kì nghỉ hè

➤ Dành cho Khối 10 năm học 2022-2023

Đối với những học sinh chưa đủ điều kiện được lên lớp nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá từ mức Đạt trở lên, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại kết quả học tập các môn học được đánh giá mức Chưa đạt (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét) và các môn học có ĐTB_{môn} dưới 5,0 điểm (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số). Kết quả đánh giá lại của môn học nào được sử dụng thay thế cho kết quả học tập cả năm học của môn học đó để xét lên lớp theo quy định.

➤ Dành cho Khối 11,12 năm học 2022-2023

Học sinh xếp loại hạnh kiểm cả năm học từ trung bình trở lên nhưng học lực cả năm học xếp loại yếu, được chọn một số môn học trong các môn học có điểm trung bình cả năm học dưới 5,0 hoặc có kết quả xếp loại CĐ để kiểm tra lại. Kết quả kiểm tra lại được lấy thay thế cho kết quả xếp loại cả năm học của môn học đó để tính lại điểm trung bình các môn cả năm học và xếp loại lại về học lực; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

Điều 13. Khen thưởng

1. Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh

a) Khen thưởng cuối năm học

➤ Dành cho Khối 10 năm học 2022-2023

- Khen thưởng danh hiệu "Học sinh Xuất sắc" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt và có ít nhất 06 (sáu) môn học được đánh giá bằng nhận xét kết hợp với

đánh giá bằng điểm số có ĐTB_{mcn} đạt từ 9,0 điểm trở lên.

- Khen thưởng danh hiệu "Học sinh Giỏi" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt.

➤ **Dành cho Khối 11,12 năm học 2022-2023**

- Khen thưởng danh hiệu "Học sinh giỏi" đối với những học sinh đạt hạnh kiểm tốt và học lực loại giỏi.

- Khen thưởng danh hiệu "Học sinh tiên tiến" đối với những học sinh đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên.

b) Khen thưởng học sinh có thành tích đột xuất trong rèn luyện và học tập trong năm học.

2. Học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14: Trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

1. Triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên quy chế này.
2. Tổ chức thực hiện, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy chế của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Điều chỉnh kịp thời để quy chế phù hợp với quy định của cấp trên và thực tiễn tại nhà trường.
3. Xét duyệt danh sách học sinh: được lên lớp, đánh giá lại các môn học, rèn luyện trong kì nghỉ hè, không được lên lớp, được khen thưởng. Phê duyệt kết quả đánh giá học sinh trong sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) và Học bạ học sinh sau khi tất cả giáo viên môn học và giáo viên chủ nhiệm đã ghi đầy đủ nội dung.
4. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị về đánh giá học sinh trong phạm vi và quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng. Đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm; quyết định khen thưởng theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này.

Điều 15: Trách nhiệm Tổ trưởng chuyên môn

Hướng dẫn giáo viên trong tổ nghiêm túc thực hiện nội dung đã được quy định trong quy chế này. Trong quá trình thực hiện, kịp thời góp ý những nội dung chưa phù hợp để Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung.



Điều 16: Trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên

Cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ nhiệm vụ được phân công, nghiêm túc thực hiện nội dung quy định trong quy chế này.